TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI,** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/DS-ST
Ngày 14-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết

2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lưu Công Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2026/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 407/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Hồng H, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố A (P), phường A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Trần Quang T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn P (thôn A), xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt– có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bà Hồ Thị H1, địa chỉ: Thôn P (thôn A), xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt– có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2026, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Hồng H trình bày:

Ngày 08/5/2022, ông Trần Quang T có mượn của ông 30.000.000 đồng. Sáu tháng sau ông T mượn tiếp của ông 50.000.000 đồng, tổng cộng 80.000.000 đồng.

Ông đòi nợ nhiều lần nhưng ông T không trả. Đến năm 2024, vợ ông T là bà Hồ Thị H1 lên nhà ông nhưng trước đó ông T nhờ ông nói lại với vợ ông T chỉ còn nợ của ông 70.000.000 đồng nên vợ ông T xác nhận vào giấy nhận nợ ngày 08/5/2022 và hứa 20 (Al) tháng 5/2024 trả 70.000.000 đồng tiền gốc, xin tiền lãi, còn 10.000.000 đồng ông T hứa sẽ trả riêng cho ông nhưng ông T cũng không trả.

Từ đó cho đến nay ông đòi nợ nhiều lần nhưng ông T không trả, ông có file ghi âm, tin nhắn đòi nợ liên tục. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T, bà H1 trả 80.000.000 đồng cho ông, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Trần Quang T vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2026, ông T trình bày: Ông và ông H có quen nhau qua thời gian mua bán cây cảnh, năm 2022 ông có vay ông H số tiền 40.000.000 đồng, trả lãi 01 tháng 2.400.000 đồng. Thời gian sau có vay thêm nhiều lần trả lãi đầy đủ. Đến năm 2025 làm ăn khó khăn không bán được cây không có tiền trả lãi nên ông H bảo ông viết giấy nợ số tiền 80.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền riêng làm công việc nên vợ ông không biết, không kí giấy vay, không sử dụng số tiền trên nên không liên quan gì về khoản vay trên.

Nay ông H yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 80.000.000 đồng thì một mình ông vay nên ông đồng ý trả nhưng xin trả dần cuối năm 2026 bán cây ông trả số tiền 40.000.000 đồng, còn lại qua năm 2027 ông trả đủ.

Vì lý do bận công việc nên ông xin vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ hoà giải, các buổi làm việc và phiên toà xét xử vụ án trên.

Bị đơn bà Hồ Thị H1 vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2026, bà H1 trình bày: Việc chồng bà vay mượn tiền của ông Đặng Hồng H bà không biết, không kí giấy vay, không sử dụng số tiền trên nên không liên quan gì về khoản vay trên.

Nay ông H yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 80.000.000 đồng thì bà không đồng ý, bà không liên quan gì đến số nợ trên nên đề nghị Toà không đưa bà tham gia tố tụng và xin vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và phiên toà xét xử vụ án trên.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Hồng H buộc ông Trần Quang T trả cho ông Đặng Hồng H số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hồng H về việc buộc bà Hồ Thị H1 liên đới trả số tiền 80.000.000 đồng;

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc không yêu cầu giải quyết lãi suất quá hạn;

- Không chấp nhận đề nghị của ông Trần Quang T về việc được trả dần khoản nợ;

- Về án phí: Ông Trần Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Đặng Hồng H khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang T, bà Hồ Thị H1 liên đới trả số tiền 80.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 08 tháng 5 năm 2022, Giấy không ghi ngày tháng có nội dung mượn 80.000.000 đồng là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Quang T, bà Hồ Thị H1 cư trú tại thôn P (trước sáp nhập là thôn A), xã T, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2-Gia Lai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn ông Đặng Hồng H, bị đơn ông Trần Quang T, bà Hồ Thị H1 vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của ông Đặng Hồng H, Hội đồng xét xử nhận định: Tại Giấy mượn tiền ngày 08 tháng 5 năm 2022 có ghi nội dung: "…Tôi tên Trần Quang T mượn anh H số tiền 30.000.000 đồng …" và ký "Quang Tèo", phía dưới không ghi ngày tháng có nội dung xác nhận: "Tổng em T1 mượn 70.000.000 trước sau: Bảy chục triệu em hứa 20 (A) tháng 5/2024 em trả 70.000 tiền gốc, em xin tiền lãi" và tại Giấy không ghi ngày tháng có nội dung: "Em Tèo An C có mượn Anh H Thảo nguyên tám chục triệu đồng chẵn. ba tháng sau em trả lại cho anh H:..." và ký tên Trần Quang T. Tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2026, ông T cũng xác nhận còn nợ ông Đặng Hồng H số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, đúng như số nợ tại đơn khởi kiện mà ông H yêu cầu. Như vậy, việc ông T vay tiền của ông H là có thật, phù hợp với Giấy mượn tiền ngày 08 tháng 5 năm 2022 và Giấy có nội dung xác nhận nợ không ghi ngày tháng mà nguyên đơn cung cấp. Quá trình thực hiện hợp đồng phía ông T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T phải trả cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

[4] Ông Đặng Hồng H yêu cầu bà Hồ Thị H1 cùng ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 80.000.000 đồng còn nợ theo Giấy mượn tiền ngày 08 tháng 5 năm

2022 và Giấy có nội dung xác nhận nợ không ghi ngày tháng. Xét thấy: Ông H trình bày bà H1 có đến nhà ông ký xác nhận vào giấy mượn tiền ngày 08 tháng 5 năm 2022 số tiền 70.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T, bà H1 không thừa nhận chữ viết, chữ ký "H1" trên Giấy mượn tiền ngày 08 tháng 5 năm 2022 là chữ viết, chữ ký của bà H1. Ông H khai việc ký nhận nợ là do ông T "nhờ nói lại với vợ" giấu bớt 10.000.000 đồng, điều này thể hiện ý chí vay mượn ban đầu và việc định đoạt số tiền nợ là giao dịch riêng giữa ông H và ông T, ông H cũng không cung cấp thêm thông tin nào khác về việc bà H1 có tham gia vay nợ hoặc yêu cầu giám định để xác định có phải chữ viết, chữ ký của bà H1 trên giấy mượn nợ hay không. Mặt khác, ông T, bà H1 xác định việc vay nợ do ông T thực hiện, ông T tự vay để làm ăn riêng, không sử dụng số tiền vay vào mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc phục vụ lợi ích chung của vợ chồng nên theo Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H buộc bà H1 có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng ông T.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, ông H, ông T xác định hai bên xác lập hợp đồng vay có thoả thuận lãi suất, nhưng ông H không yêu cầu ông T phải trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ông T đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần vào cuối năm 2026 trả 30.000.000 đồng, đến năm 2027 trả số tiền còn lại. Yêu cầu của ông T không được nguyên đơn chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Quang T phải chịu 4.000.000 đồng (80.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đặng Hồng H trên 60 tuổi, có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí nên không phải xử lý tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T có nghĩa vụ trả số tiền 80.000.000 đồng cho nguyên đơn; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hồng H về việc yêu cầu bà Hồ Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông Trần Quang T; Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc không yêu cầu giải quyết lãi suất quá hạn; Không chấp nhận đề nghị của ông Trần Quang T về việc được trả dần khoản nợ; Về án phí: Ông Trần Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì *các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các Điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27; Khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Trần Quang T phải trả nợ cho ông Đặng Hồng H số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hồng H về việc yêu cầu bà Hồ Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông Trần Quang T.

2. Về án phí: Ông Trần Quang T phải chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu